

Số: /KH-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2023

KẾ HOẠCH

Cải thiện, nâng hạng Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI) của tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023-2025

Theo kết quả công bố của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) về Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI) năm 2022, tỉnh Bắc Giang xếp vị trí thứ 08/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, với 16,43 điểm. Đây là một hợp phần về môi trường được tích hợp trong điều tra PCI năm 2022. Chỉ số PGI được công bố thường niên và sẽ trải qua một lộ trình thử nghiệm, hoàn thiện và phát triển, với mong muốn đây là một công cụ chính sách hữu ích, có thể hỗ trợ Chỉ số PCI để thúc đẩy cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo định hướng xanh và phát triển bền vững, thúc đẩy xây dựng hệ sinh thái kinh doanh thân thiện với môi trường và thu hút hiệu quả hơn các dự án đầu tư xanh hơn, bền vững hơn tại Việt Nam trong thời gian tới.

Để tiếp tục duy trì và nâng cao Chỉ số PGI, tạo sự chuyển biến tích cực hơn nữa về môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng hạng Chỉ số PGI của tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023-2025, với nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Duy trì và nâng cao Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) của tỉnh Bắc Giang một cách bền vững; tuyên truyền và nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về ý nghĩa và tầm quan trọng của Chỉ số PGI; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các sở, cơ quan, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh trong việc duy trì, cải thiện kết quả và thứ bậc xếp hạng Chỉ số PGI, góp phần thúc đẩy cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo định hướng xanh và phát triển bền vững tại tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023-2025.

2. Mục tiêu cụ thể

Duy trì và nâng cao Chỉ số PGI của tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023-2025 nằm trong top 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Chỉ số PGI dẫn đầu cả nước; phân đầu cải thiện số điểm của các chỉ số thành phần, cụ thể như sau:

a) Chỉ số giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu (BĐKH) (cho doanh nghiệp): Phân đầu từ điểm số từ 3,45 (thứ hạng 32) lên 3,95 điểm trở lên (điểm hạng thứ 15).

b) Chỉ số đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu: Tiếp tục duy trì đạt từ 6,01 điểm trở lên (tỉnh Bắc Giang đang hạng thứ 4).

c) Chỉ số vai trò lãnh đạo của chính quyền tỉnh trong thúc đẩy thực hành xanh: Phân đầu điểm số từ 4,47 (thứ hạng 16) lên 4,68 điểm trở lên (điểm hạng thứ 10).

d) Chỉ số chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường: Tiếp tục duy trì đạt từ 2,49 điểm trở lên (tỉnh Bắc Giang đang hạng thứ 2).

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CẢI THIỆN, NÂNG HẠNG CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CỦA CHỈ SỐ PGI

1. Chỉ số thành phần 1: Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu (BĐKH) (Minimizing Risk)

a) Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương về ô nhiễm môi trường, BĐKH và ứng phó với những tác động của BĐKH.

b) Triển khai xây dựng các cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu theo quy hoạch qua đó giảm thiểu, giảm nhẹ tác động tiêu cực của thiên tai đối với doanh nghiệp. Chủ động các phương án ứng phó với thiên tai và BĐKH, tập trung nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai; kịp thời khắc phục hậu quả sau thiên tai, giảm mức thấp ảnh hưởng đến đời sống nhân và hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

c) Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý về lĩnh vực bảo vệ môi trường.

d) Yêu cầu các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động, đầu tư mới phải đầu tư, xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 51 và Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. 100% khu công nghiệp hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường. Mục tiêu phân đầu tỷ lệ các cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường đến năm 2025 đạt 70% (trong đó mục tiêu năm 2023 đạt 62,9%, năm 2024 đạt 65%).

đ) Tăng cường công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm về môi trường, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

e) Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục; 100% các cơ sở có nguồn thải (khí thải, nước thải) lớn lắp đặt và kết nối dữ liệu quan trắc môi trường tự động nước thải, khí thải về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát trực tiếp theo quy định của pháp luật.

f) Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân chuyển đổi, thay thế nguồn cung cấp năng lượng từ nhiên liệu hóa thạch sang các dạng năng lượng tái tạo (như: năng lượng mặt trời, sinh khối, khí sinh học...).

g) Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, đáp ứng khả năng tiêu thoát nước tại các đồ án quy hoạch, dự án khu đô thị.

h) Tăng cường hoạt động kiểm soát khí thải từ hoạt động giao thông vận tải.

k) Tăng cường, thúc đẩy các hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất công nghiệp, giao thông đặc biệt đối với các đơn vị sử dụng năng lượng trọng điểm, cận trọng điểm.

2. Chỉ số thành phần 2: Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu (Maintaining Standards)

a) Triển khai xây dựng các phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường cấp tỉnh, cấp huyện.

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; phát hiện, xử lý nghiêm, kịp thời các vụ việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

c) Đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, với mục tiêu phấn đấu tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của thành phố Bắc Giang và các đô thị loại IV trở lên đến năm 2025 đạt 55% (trong đó mục tiêu năm 2023 đạt 45%, năm 2024 đạt 50%).

d) Tiếp tục tập trung đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020, Kết luận số 99- KL/TU ngày 18/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý rác thải ra môi trường. Mục tiêu phấn đấu tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn đến năm 2025 đạt 95% (trong đó mục tiêu năm 2023 đạt 93,5%, năm 2024 đạt 94%).

đ) Duy trì tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh nước thải từ 50 m³/ngày trở lên có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 100%.

e) Xây dựng và thực hiện đề án thu gom, xử lý rác thải, vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật trong hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

3. Chỉ số thành phần 3: Thúc đẩy thực hành xanh (Environmental Leadership)

a) Tuyên truyền, phổ biến và tăng cường các hoạt động mua sắm xanh đối với dự án đầu tư, nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước mua sắm xanh, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam.

b) Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền hướng dẫn về hoạt động sản xuất, sử dụng năng lượng tái tạo; bảo tồn, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

c) Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, tăng tần suất, thời lượng và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền. Tập huấn nâng cao trình độ cho

cán bộ làm công tác quản lý, bảo vệ môi trường của các sở, cơ quan, UBND các cấp và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Hàng năm tổ chức ít nhất 1-2 lần/năm hội nghị gặp gỡ, tiếp xúc, đối thoại với doanh nghiệp thông qua nhiều kênh giao tiếp nhằm lắng nghe ý kiến phản ánh, kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Qua đó chủ động giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền, phát huy tính năng động, sáng tạo trong thực thi chính sách nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

đ) Tăng cường bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo phân cấp ngân sách hiện hành.

e) Tăng cường tuyên truyền hướng dẫn doanh nghiệp về sử dụng nước tiết kiệm, giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa và sử dụng các sản phẩm thay thế, thân thiện với môi trường.

f) Hướng dẫn doanh nghiệp trong việc áp dụng các giải pháp để hạn chế ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm môi trường không khí.

g) Bảo vệ, phục hồi, tái sinh rừng tự nhiên, đẩy mạnh trồng rừng, nhất là trồng rừng đầu nguồn.

4. Chỉ số thành phần 4: Chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường (Environmental Incentives)

a) Đẩy mạnh công tác hỗ trợ doanh nghiệp bằng nhiều hình thức mới, hiệu quả cao hơn, đảm bảo công tác chăm sóc nhà đầu tư tại chỗ và tạo điều kiện đẩy mạnh xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước qua đó giúp các doanh nghiệp nắm bắt, tìm hiểu và tháo gỡ khó khăn trong bảo vệ môi trường.

b) Tiếp tục rà soát, đề xuất triển khai chính sách khuyến công, trong đó ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất trong quá trình chuyển đổi xanh. Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường.

c) Nghiên cứu, xây dựng và thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, kế hoạch dài hạn để triển khai giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước, giảm thiểu rác thải nhựa, tái chế rác thải trên địa bàn tỉnh.

d) Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu xây dựng, triển khai chính sách khuyến khích, hỗ trợ về tăng khả năng chống chịu thiên tai và hỗ trợ tái trồng rừng.

đ) Tăng cường hỗ trợ, cung cấp các dịch vụ tư vấn và dịch vụ đào tạo để cải thiện hoạt động môi trường trên địa bàn tỉnh.

e) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm các ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng; tăng cường, khuyến khích các ngành ít sử dụng năng lượng.

f) Tham mưu ban hành cơ chế chính sách để hỗ trợ, thúc đẩy việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn đến năm 2030.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, cơ quan, chính quyền địa phương triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch cải thiện, nâng cao Chỉ số PGI của tỉnh Bắc Giang đến năm 2025. Rà soát, đề xuất các giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số PGI.

b) Thực hiện đối thoại với các doanh nghiệp, các huyện, thành phố về lĩnh vực môi trường ít nhất 01-02 lần/năm trong năm. Giải quyết theo thẩm quyền hoặc kịp thời tham mưu, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về lĩnh vực bảo vệ môi trường cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Thực hiện các nhiệm vụ tại điểm a, e mục 1, điểm b, d, đ, e mục 2, điểm c, e, f mục 3 và điểm c mục 4 Phần II của Kế hoạch này.

2. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh

a) Hỗ trợ cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp; chủ động nắm bắt và đề xuất các biện pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong công tác bảo vệ môi trường.

b) Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ triển khai các khu công nghiệp đã được chấp thuận chủ trương đầu tư; tăng cường kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh đảm bảo 100% các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đang hoạt động có đầy đủ hạ tầng bảo vệ môi trường.

c) Tổ chức kiểm tra các cơ sở trong khu công nghiệp về bảo vệ môi trường theo quy định.

d) Thực hiện các nhiệm vụ tại điểm d mục 1, điểm d mục 3 và điểm a mục 4 Phần II của Kế hoạch này đối với khu công nghiệp.

3. Sở Công Thương

a) Hỗ trợ cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp; chủ động nắm bắt và đề xuất các biện pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường;

b) Chủ trì thanh tra, kiểm tra, đánh giá thực hiện quy hoạch, chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của cụm công nghiệp theo quy định; tăng cường kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường của các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đảm bảo 100% các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đang hoạt động có đầy đủ hạ tầng bảo vệ môi trường theo lộ trình.

c) Thực hiện các nhiệm vụ tại điểm d, f, k mục 1, điểm b mục 3 và điểm b, f mục 4 Phần II của Kế hoạch này đối với cụm công nghiệp và doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, triển khai thực hiện việc lựa chọn nhà đầu tư theo các quy định của pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

b) Phối hợp với các sở, cơ quan và các đơn vị liên quan kịp thời tham mưu, đề xuất UBND tỉnh giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, hướng đến mục tiêu xây dựng môi trường đầu tư của tỉnh ngày càng hấp dẫn.

c) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến tại điểm a mục 3 Phần II và triển khai thực hiện các nhiệm vụ khác tại điểm a mục 3, điểm a, e mục 4 Phần II của Kế hoạch này.

5. Sở Tài chính

a) Hàng năm căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường đảm bảo cho công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Thực hiện các nhiệm vụ tại điểm a, đ mục 3 Phần II của Kế hoạch này.

6. Công an tỉnh

a) Triển khai các biện pháp công tác để phòng ngừa, phát hiện đấu tranh ngăn chặn đối với các loại tội phạm có hành vi vi phạm về môi trường; phối hợp với các Sở, ngành nắm tình hình phát hiện các chủ đầu tư trong nước, nước ngoài nhập khẩu đưa dây chuyền máy móc, thiết bị công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường.

b) Thực hiện nhiệm vụ tại điểm đ mục 1 Phần II của Kế hoạch này.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, cơ quan và chính quyền địa phương tham mưu UBND tỉnh trong công tác phòng chống thiên tai theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ tại điểm b mục 1, điểm g mục 3 và điểm d mục 4 Phần II của Kế hoạch này.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai có hiệu quả nhiệm vụ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ về bảo vệ môi trường và cấp nước sạch nông thôn phù hợp với điều kiện đặc thù của từng vùng; thẩm định công nghệ tiên tiến, phù hợp, thân thiện với môi trường; rà soát, xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương, định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá đối với các nội dung, hoạt động có liên quan.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ tại điểm c mục 1 Phần II của Kế hoạch này.

9. Sở Xây dựng

a) Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc UBND các huyện, thành phố tập trung đầu tư triển khai các công trình thoát nước, xử lý nước thải thuộc nhiệm vụ tại điểm c mục 2 Phần II của Kế hoạch này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai có hiệu quả nhiệm vụ tại điểm g mục 1 Phần II của Kế hoạch này.

10. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ tại điểm h, k mục 1 Phần II của Kế hoạch này.

11. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai có hiệu quả nhiệm vụ tại điểm đ mục 4 Phần II của Kế hoạch này.

12. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng về Kế hoạch này đến toàn thể doanh nghiệp và quần chúng nhân dân, đồng thời tăng cường tuyên truyền về mục đích và ý nghĩa của việc cải thiện, nâng hạng Chỉ số PGI.

13. Các sở, cơ quan khác có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, chủ động thực hiện lồng ghép các chương trình, nhiệm vụ thực hiện nội dung liên quan đến Chỉ số PGI. Tổng hợp kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc đối với nội dung, nhiệm vụ được giao và báo cáo UBND tỉnh theo quy định, đồng thời gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

14. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Bắc Giang, các tổ chức chính trị-xã hội, các cơ quan truyền thông báo chí tăng cường giám sát, kịp thời phản ánh, thông tin (cả mặt tích cực và hạn chế, tồn tại) về tình hình thực hiện nhiệm vụ của các sở, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực thi công vụ, nhất là những nội dung liên quan trực tiếp đến giải quyết thủ tục hành chính, đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp, người dân liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường.

15. Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh Bắc Giang

a) Định kỳ hàng tháng tổ chức khảo sát, tổng hợp và phản ánh những khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đến UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường).

b) Chủ trì tổ chức điều tra khảo sát, đánh giá phản hồi của doanh nghiệp đối với 04 chỉ số thành phần của Chỉ số PGI trên địa bàn tỉnh.

16. UBND các huyện, thành phố

a) Xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai có hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên cơ sở các nhiệm vụ của 04 chỉ số thành phần của Chỉ số PGI tại Kế hoạch này thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.

b) Triển khai thực hiện đầy đủ trách nhiệm của UBND cấp huyện đã được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

c) Chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện đầy đủ trách nhiệm đã được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

d) Ưu tiên bố trí kinh phí, huy động các nguồn lực tại địa phương, lồng ghép các chương trình, đề án, dự án thực hiện trên địa bàn để tham gia xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường và cấp nước sạch nông thôn.

IV. CHẾ ĐỘ TỔNG HỢP, BÁO CÁO

1. Các sở, cơ quan và UBND cấp huyện được giao nhiệm vụ tại Kế hoạch này có trách nhiệm định kỳ 06 tháng (trước ngày 05/7), 01 năm (trước ngày 10/12) tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm định kỳ 06 tháng (trước ngày 10/7), 01 năm (trước ngày 15/12) tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ của các sở, cơ quan và UBND cấp huyện được giao tại Kế hoạch này, báo cáo và đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh biện pháp chỉ đạo.

Trên đây là Kế hoạch cải thiện, nâng hạng Chỉ số PGI của tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023-2025, yêu cầu các sở, cơ quan và UBND cấp huyện nghiêm túc triển khai, thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc phải kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp và tham mưu UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- Liên đoàn TM và CN Việt Nam (b/c);
- TT Tỉnh uỷ; TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- UB MTTQ Việt Nam tỉnh Bắc Giang;
- Huyện uỷ, Thành uỷ, UBND các huyện, thành phố;
- Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh Bắc Giang;
- Báo Bắc Giang;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, MT.Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích